

## **Giải bài tập SGK tiếng Anh lớp 11 Unit 15 SPACE CONQUEST**

### **A. Reading** (Trang 166-167-168-169 SGK Tiếng Anh 11)

#### **Before you read** (Trước khi bạn đọc)

- **Work with a partner.** Ask and answer the following questions. (*Làm việc với bạn học. Hỏi và trả lời các câu hỏi sau.*)

1. Who is the first human to fly into space? (*Ai là người đầu tiên bay vào không gian?*)

=> The first human to fly into space is Yuri Alekseyevich Gagarin.

2. Can you name the first humans to set foot on the moon? (*Bạn có thể kể tên những người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng?*)

=> The first humans to set foot on the moon are Neil Armstrong and Buzz Aldrin.

3. Who is the first Vietnamese to fly into space? (*Ai là người Việt Nam đầu tiên bay vào không gian?*)

=> The first Vietnamese to fly into space is Pham Tuan.

#### **While you read** (Trong khi bạn đọc)

Read the text about Yuri Alekseyevich Gagarin, the first human to fly into space and then do the tasks that follow. (*Đọc đoạn văn về Yuri Alekseyevich Gagarin, người đầu tiên bay vào không gian và sau đó làm các bài tập theo sau.*)

#### **Hướng dẫn dịch:**

1. Vào lúc 9:07 giờ Moscow, ngày 12 tháng 4 năm 1961, Yuri Gagarin bay vào không gian trên tàu Vostok 1. Khoảng 12 phút sau đó, lần đầu tiên con người bay quanh quỹ đạo Trái đất với tốc độ hơn 17 000 dặm một giờ. Chuyến bay của ông kéo dài 108 phút.

2. Phi hành gia 27 tuổi người Liên Xô đã trở thành người đầu tiên ăn và uống trong tình trạng không trọng lượng. Từ cửa sổ của mình trong không gian, Gasarin đã có thể ngắm Trái đất theo cái cách mà không một người nào đã làm trước kia. Những từ đầu tiên được gửi về từ không gian là: "*Tôi đã nhìn thấy Trái đất. Nó đẹp quá!*"

3. Trước chuyến bay lịch sử của Gagarin, vẫn còn tồn tại sự hoài nghi rất lớn. Không ai biết chính xác những gì sẽ xảy ra với một con người trong không gian. Làm thế nào để cơ thể phản ứng với những thay đổi khắc nghiệt của nhiệt độ? Đầu óc con người sẽ đối phó với sự căng thẳng tâm lý như thế nào? Nếu có một lỗi kỹ thuật, Gagarin không bao giờ có thể trở lại Trái đất nữa.

4. Sự thành công của chuyến bay của Gagarin đã thu hút sự chú ý trên toàn thế giới và khiến cho ông trở thành một anh hùng. Trong một bức điện tín gửi tới Moscow. Tổng thống Mỹ John F. Kennedy đã viết: "*Nhân dân Hoa Kỳ xin được chia sẻ niềm hạnh phúc với nhân dân Liên Xô vì chuyến bay an toàn đánh dấu bước du ngoạn đầu tiên của con*

5. Gagarin có thể đã thực hiện một chuyến bay vào không gian khác nếu một tai nạn thảm  
khốc không xảy ra ông qua đời trong một vụ tai nạn máy bay trên một chuyến bay huấn  
luyện định kỳ vào tháng 3 năm 1968. Sau khi ông chết, quê hương của ông, Gzhatsk được  
đổi tên thành Gagarin và Trung tâm Đào tạo Cosmonaut tại thành phố Star của Nga, được  
mang tên người anh hùng dân tộc này.

**Task 1.** Match the headings to the paragraphs. (*Ghép tiêu đề với đoạn văn.*)

Paragraph 1 ↔ B. The lift-off: *Phóng tàu vũ trụ*

Paragraph 2 ↔ D. View on Earth: *Ngắm nhìn Trái Đất*

Paragraph 3 ↔ E. Uncertainties: *Sự hoài nghi*

Paragraph 4 ↔ C. Congratulations: *Lời chúc mừng*

Paragraph 5 ↔ A. The tragic accident: *Tai nạn thảm khốc*

**Task 2.** Read the passage again and answer the questions. (*Đọc lại đoạn văn và trả lời các câu hỏi.*)

1. How old was Gagarin when he became the first human being in space? (*Gagarin bao nhiêu tuổi lúc trở thành người đầu tiên bay vào vũ trụ?*)

=> He was 27 years old.

2. How long was he in space? (*Anh ấy ở trong vũ trụ bao lâu?*)

=> He was in space for 108 minutes.

3. What questions were raised before Gagarin's space flight? (*Trước chuyến bay vào vũ trụ của Gagarin, người ta đã nêu lên những vấn đề gì?*)

=> They were what would happen to a human being in space or how the body would react to the extreme changes in temperature or how the mind would deal with the psychological tension.

4. What was the speed of his spacecraft in orbit around the Earth? (*Vận tốc chiếc tàu vũ trụ của anh là bao nhiêu khi ở trong quỹ đạo bay vòng quanh trái đất?*)

=> It was more than 17,000 miles per hour.

5. Why couldn't Gagarin make a new space flight? (*Tại sao Gagarin đã không thực hiện một chuyến bay khác vào vũ trụ?*)

=> Because he died in a plane crash on a routine training flight in March 1968.

6. What was done after Gagarin's death to honour this national hero? (*Người ta đã làm gì sau cái chết của Gagarin để tuyên dương anh ấy là anh hùng dân tộc?*)

=> After his death, his hometown of Gzhatsk was renamed Gagarin, and the Cosmonaut Trainins Center at Star City, Russia, was given the name of this national hero.

**After you read** (Sau khi bạn đọc)

Complete the summary of the reading passage by putting the words/phrases in the box into the blanks. (Hoàn thành phần tóm tắt của bài đọc bằng cách đặt các từ/cụm từ trong khung vào chỗ trống.)

**Gợi ý:**

1. cosmonaut	2. in space	3. lasted	4. success
5. gravity	6. view	7. impossible	8. named after

**B. Speaking** (Trang 171-172 SGK Tiếng Anh 11)

**Task 1. Work in pairs.** Read the following piece of news, then ask and answer the questions. (Làm việc theo cặp. Đọc mẫu tin sau, sau đó hỏi và trả lời các câu hỏi.)

**Hướng dẫn dịch:**

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2003, Trung Quốc phóng tàu vũ trụ đầu tiên có người lái vào không gian. Tàu vũ trụ được gọi là "Thần Châu 5". Yang Liwei, phi hành gia người Trung Quốc đầu tiên, lúc đó 38 tuổi. Chuyến bay thành công đánh dấu một sự kiện quan trọng trong kế hoạch không gian của Trung Quốc. Trung Quốc trở thành nước thứ ba trên thế giới có thể độc lập thực hiện những chuyến bay không gian có người lái.

**Gợi ý hỏi và trả lời:**

**A:** When did China launch its first manned spacecraft into space?

**B:** On 15th October 2003.

**A:** What was the name of the spacecraft?

**B:** The spacecraft was called "Shenzhou 5".

**A:** Who was the astronaut? How old was he?

**B:** Yang Liwei, China's first astronaut, was 38 years old.

**A:** How important was the flight?

**B:** The successful flight marked a milestone in China's space project.

**Task 2. Work in groups.** Take turns to talk about the important events in space exploration. (Làm việc nhóm. Thay phiên nhau nói về các sự kiện quan trọng trong việc thăm dò không gian.)

**Gợi ý:**

- On 4<sup>th</sup> October, 1957, the USSR launched its first artificial satellite, sputnik, into space. It marked as the beginning of Space Age.
- On 3<sup>rd</sup> November, 1957, first living being in space was a dog named Laika. It was abroad in Sputnik 2.
- On 12<sup>th</sup> April 1961, Yuri Gagarin, a Russian cosmonaut became the first human in space. He was 27 years old then. He made a 108-minute flight.
- On 16<sup>th</sup> June, 1963, a Russian cosmonaut. Valentina Tereshkova became the first woman in space.
- On 20<sup>th</sup> July, 1969, first humans to set foot on the moon were Neil Armstrong and Buzz Aldrin. They were American astronauts.
- On 23<sup>rd</sup> July, 1980, Pham Tuan became the first Vietnamese in space. He was along with ... Gorbotko, a Russian cosmonaut. They stayed 8 days in orbit.
- On 29<sup>th</sup> October, 1998, the oldest human every to fly into space was John Glenn, an American astronaut. He was 77 years old.
- On 15<sup>th</sup> October, 2003, Yang Liwei became the first Chinese in space, 38 years old. He spent 21 hours in space.

### C. Listening (Trang SGK Tiếng Anh 11)

#### Before you listen (Trước khi bạn nghe)

- **Work in pairs.** Match the pictures with the captions. (*Làm việc theo cặp. Ghép hình ảnh với chú thích.*)

Picture (a) ↔ (2) The Apollo crew: *Phi hành đoàn Apollo*

Picture (b) ↔ (5) The first foot print on the moon: *Bước chân đầu tiên in trên Mặt Trăng*

Picture (c) ↔ (3) Walking on the Moon: *Đi bộ trên Mặt Trăng*

Picture (d) ↔ (1) Orbiting: *Quỹ đạo bay*

Picture (e) ↔ (4) The Moon landing: *Đổ bộ lên Mặt Trăng*

- *Listen and repeat.*

Congress: Quốc hội	challenge: sự thách thức
mission: sứ mệnh, nhiệm vụ	experiment: cuộc thử nghiệm
reminder: vật làm nhớ lại	achievement: thành tựu

#### While you listen (Trong khi bạn nghe)

You will hear a talk about the first human moon landing, one of the most ... . (Bạn sẽ nghe bài nói về cuộc đổ bộ của người đầu tiên lên Mặt Trăng, một trong những sự kiện quan trọng nhất của Thế kỷ 20. Nghe bài nói và sau đó làm các bài tập theo sau.)

**Task 1.** Listen and decide whether the following statements are true (T) or false (F). (Nghe và xác định xem các phát biểu sau là đúng (T) hay sai (F).)

**Gợi ý:**

1. F	2. F	3. F	4. F	5. T
------	------	------	------	------

**Task 2.** Listen again and answer the questions. (Nghe lại và trả lời các câu hỏi.)

1. Which program was developed to meet President Kennedy's challenge? (Chương trình gì đã được phát triển để tiếp nhận sự thách thức của Tổng thống Kennedy?)

=> NASA's Apollo program was developed to meet President Kennedy's challenge.

2. When was the Apollo 11 launched? (Chiếc Apollo 11 được phóng khi nào?)

=> The Apollo 11 launched on July 16<sup>th</sup>, 1969.

3. What was the portable life support system used for? (Hệ thống xách tay hỗ trợ cho sự sống dùng để làm gì?)

=> It was used for controlling tile oxygen, temperature and pressure inside the spacesuit.

4. How long did the astronauts stay on the surface of the moon? (Các nhà du hành đã ở trên bề mặt Mặt Trăng bao lâu?)

=> The astronauts stayed on the surface of the moon for two and a half hours.

5. What did they do while they were staying on the surface of the moon? (Họ đã làm gì khi ở trên bề mặt Mặt Trăng?)

=> They performed a variety of experiments and collected soil and rock samples to return to Earth.

6. When did the astronauts return to the Earth? (Khi nào các nhà du hành trở về Trái Đất?)

=> They returned to the Earth on July 24<sup>th</sup>, 1969.

**After you listen** (Sau khi bạn nghe)

Discuss the following questions. (Thảo luận các câu hỏi sau.)

1. In your opinion, what is the reason for the human interest in Mars and other planets in the solar system? (Theo bạn, lý do nào khiến con người quan tâm đến Sao Hỏa và các hành tinh khác trong hệ Mặt Trời?)

=> I think the reason can be:

- Human beings like adventure.
  - We want to find out possibilities of life outside the Earth.
  - One day, we may send people to Mars and other planets in case the Earth is overpopulated.
  - We may conduct research on Mars and other planets for the benefits of people on Earth.
  - We may find precious minerals there.
  - We may have trips to other planets for tourist purposes.
2. If you were offered a chance of going to the moon and you could take three things with you, what would you choose and why? (*Nếu bạn có cơ hội đi lên Mặt Trăng và bạn có thể mang theo 3 thứ đi cùng, bạn chọn mang theo cái gì và tại sao?*)
- => I would take:
- a camera to take a lot of photos.
  - a quality laptop computer and several large USB drives full of movies and TV shows, as well as music and books.
  - walking and climbing gear for lunar exploration.
  - a hammock with seat belts to hold me in it, so that I could stare at the earth and the Milky Way before falling asleep.

#### **D. Writing** (Trang 174 SGK Tiếng Anh 11)

##### **Writing a biography** (*Viết tiểu sử*)

**Task 1.** Below is some information about Neil Armstrong, the first human to set foot on the moon. Put each ... . (*Dưới đây là một vài thông tin về Neil Armstrong, người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng. Đặt đầu đề ở trong khung vào khoảng trống phù hợp.*)

##### **Gợi ý:**

- (1) Birth
- (2) Place of Birth
- (3) Known As
- (4) Career
- (5) Quote

**Task 2.** Write a biography of Neil Armstrong from the information given in Task 1. (*Viết tiểu sử của Neil Armstrong từ những thông tin đã cho trong Task 1.*)

##### **Gợi ý:**



Neil Armstrong is an American astronaut. He is known as the first person to walk on the Moon. He was born on August 5<sup>th</sup>, 1930 in Wapakoneta in Ohio. From 1949 to 1952, he worked as a pilot in the United States Navy. Armstrong received his B.S (Bachelor of Science) from Purdue University in 1955. He joined the NASA astronaut program in 1962. Neil Armstrong became the first human to step on the Moon's surface on July 20<sup>th</sup>, 1969. Armstrong received his M.S (Master of Science) at the University of Southern California in 1970. In 1971, he resigned from NASA and from 1971 to 1979, he taught at the University of Cincinnati. In 1986, Armstrong was appointed vice chairman of the committee that investigated the space shuttle Challenger disaster. He is also well-known for what he said when he stepped on the moon's surface: "That's one small step for man, one giant leap for mankind."

### Hướng dẫn dịch:

Neil Armstrong là một phi hành gia người Mỹ. Ông ấy còn được biết đến là người đầu tiên đi trên Mặt Trăng. Ông sinh ngày 5 tháng 8 năm 1930 ở Wapakoneta, Ohio. Từ 1949 đến 1952, ông làm phi công ở Hải Quân Hoa Kỳ. Armstrong nhận bằng Cử nhân khoa học từ trường Đại học Purdue năm 1955. Ông tham gia chương trình phi hành gia NASA vào năm 1962. Neil Armstrong trở thành người đầu tiên đặt chân lên bề mặt Mặt Trăng vào ngày 20 tháng 7 năm 1969. Armstrong nhận bằng Thạc sĩ tại trường Đại học Nam California năm 1970. Vào năm 1971, ông nghỉ việc ở NASA và từ 1971 đến 1979, ông dạy học tại trường Đại học Cincinnati. Năm 1986, Armstrong được bổ nhiệm làm phó chủ tịch ủy ban điều tra thảm họa nổ tàu con thoi Challenger. Ông còn nổi tiếng với câu nói đầu tiên khi đặt chân lên Mặt Trăng: "Đây là bước đi nhỏ bé của con người, nhưng là bước tiến khổng lồ của nhân loại."

## E. Language Focus (Trang 175-176-177 SGK Tiếng Anh 11)

### Grammar and Vocabulary

**Exercise 1.** Complete the sentences, using **could**, **couldn't** or **was/were (not) able to**. (*Hoàn thành câu, sử dụng could, couldn't hoặc was/were (not) able to.*)

#### Gợi ý:

1. couldn't / wasn't able to	2. was able to
3. could / was able to	4. was able to
5. could / was able to	6. couldn't / wasn't able to

**Exercise 2.** Read the situation and write a sentence with a tag question. In each situation ... . (*Đọc tình huống và viết một câu với câu hỏi đuôi. Trong mỗi tình huống em đang đề nghị bạn em đồng ý với em.*)

#### Gợi ý:

1. It's (very) expensive, isn't it?
2. The film was great, wasn't it?
3. She has a lovely voice, doesn't she?

4. It doesn't look very good, does it?

5. You've had your hair cut, haven't you?

**Exercise 3.** Mark and Jenny were showing some family photographs to a friend. Here are some of ... .

*(Mark và Jenny đang chỉ cho một người bạn xem các bức ảnh gia đình. Dưới đây là một vài câu hỏi đã được hỏi. Hoàn thành câu hỏi bằng cách thêm các câu hỏi đuôi.)*

**Gợi ý:**

1. That's a lovely picture of Sally. She looks just like Mary, doesn't she?

2. I think you've seen this one before, haven't you?

3. This photograph was taken in Scotland, wasn't it?

4. We took this on holiday, idn't we?

5. We'll go there again next year, won't we?

6. You can see the sea in the distance, can't you?

7. That must be Jenny's father, mustn't it?